

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG NHÂN LỰC QUỐC TẾ VÀ THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Theo Quyết định số 808/QĐ-LĐTBXH ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Công ty được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại. Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100110415 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 11 năm 2010. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100110415, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 10 tháng 11 năm 2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 10 tháng 11 năm 2020 là 97.299.300.000 đồng (*Bảng chữ: Chín mươi bảy tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu, ba trăm ngàn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang bị hủy giao dịch trên sàn UpCOM với mã SON.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: International Manpower Supply And Trade Joint Stok Company.

Tên giao dịch viết tắt: SONA., JSC.

Trụ sở chính Công ty đặt tại: Số 34 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại: Số 2/43 đường Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Trung tâm Day nghề và Đào tạo Lao động SONA tại: thôn Do Hạ, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Nguyễn Đức Nam
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
Ông Đinh Tất Lợi
Ông Nguyễn Đức Huy

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thành viên
Thành viên
Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2021)

Ban Kiểm soát:

Bà Lê Thị Hà
Ông Nguyễn Xuân Việt Anh
Bà Phùng Hiền Ninh
Ông Vũ Đức Thắng
Bà Trần Việt Phương

Trưởng ban
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/8/2021)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/8/2021)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/8/2021)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/8/2021)

Ban Giám đốc:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
Ông Đinh Tất Lợi

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Lãnh đạo, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Lãnh đạo,



Nguyễn Đức Nam
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Số: 143/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NVI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương Mại**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương Mại, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa phản ánh chi phí lãi vay lũy kế đến thời điểm 31/12/2021 đối với các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Chi nhánh Hà Thành, Chi nhánh Bách Khoa và Chi nhánh Tràng An (thuyết minh số 5.13 Vay ngắn hạn). Do hạn chế về mặt tài liệu, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định được chi phí lãi vay phát sinh lũy kế đến thời điểm 31/12/2021. Do đó, chúng tôi không thể xác định xem có cần thực hiện các điều chỉnh đối với chi phí tài chính trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác đang trình bày trên Báo cáo tài chính.

Công ty chưa phân bổ chi phí trả trước lũy kế đến thời điểm 31/12/2021 để xác định kết quả kinh doanh với số tiền là 6,17 tỷ đồng, giá trị cần phân bổ trong năm 2021 là 3,085 tỷ đồng, theo đó, bất cứ sự điều chỉnh nào (nếu có) cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Công ty chưa thực hiện các thủ tục đánh giá khả năng thu hồi của các khoản công nợ quá hạn làm cơ sở trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Theo ước tính của Kiểm toán viên, giá trị cần trích lập bổ sung là 17,28 tỷ đồng. Theo đó, bất cứ sự điều chỉnh nào (nếu có) cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương Mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Như đã trình bày tại thuyết minh (7.1) Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, ngày 10/3/2022, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước thông báo Công phiếu SON của Công ty Cổ phần cung ứng Nhân lực Quốc tế và thương mại đã bị hủy giao dịch trên sàn Upcom từ cuối tháng 3 năm 2022.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2022

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Nguyễn Khánh Minh.

Nguyễn Khánh Minh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4484-2018-137-1

Giấy ủy quyền số: 02/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.298.653.553	60.500.055.231
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.848.697.663	5.183.094.552
1. Tiền	111		1.848.697.663	5.183.094.552
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	20.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.400.112.215	27.699.263.046
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	12.243.061.408	12.345.791.884
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	8.153.696.907	7.749.352.338
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	7.003.353.900	7.604.118.824
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.049.843.675	7.617.697.633
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	6.175.918.719	6.175.918.719
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		873.924.956	1.389.711.647
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	-	52.067.267
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		72.330.656.199	75.697.617.064
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.000.000.000	1.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		64.542.857.240	67.658.163.689
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	56.733.581.455	59.665.956.352
- Nguyên giá	222		93.700.055.007	95.240.301.549
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.966.473.552)	(35.574.345.197)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	7.809.275.785	7.992.207.337
- Nguyên giá	228		9.146.577.712	9.146.577.712
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.337.301.927)	(1.154.370.375)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.787.494.553	5.787.494.553
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	5.787.494.553	5.787.494.553
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.000.304.406	1.251.958.822
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	1.000.304.406	1.251.958.822
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		128.629.309.752	136.197.672.295

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		50.643.936.378	56.423.201.420
I. Nợ ngắn hạn	310		28.722.736.323	30.518.149.398
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	2.366.278.924	3.322.651.401
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.410.971	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	220.523.348	381.316.661
4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		238.870.000	123.600.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	1.932.738.390	2.731.666.646
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	23.958.914.690	23.958.914.690
II. Nợ dài hạn	330		21.921.200.055	25.905.052.022
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	21.921.200.055	25.905.052.022
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	5.14	77.985.373.374	79.774.470.875
I- Vốn chủ sở hữu	410		77.985.373.374	79.774.470.875
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		97.299.300.000	97.299.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		97.299.300.000	97.299.300.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.245	1.245
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(19.313.927.871)	(17.524.830.370)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(17.524.830.370)	(10.669.453.301)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.789.097.501)	(6.855.377.069)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		128.629.309.752	136.197.672.295

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Người lập

mai

Đỗ Thị Phương Mai

Trưởng phòng Kế toán

ba

Vương Thị Tố Loan

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đức Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

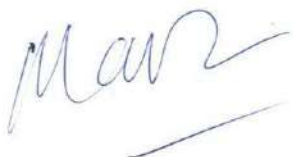
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	14.968.292.640	18.747.585.714
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		14.968.292.640	18.747.585.714
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	9.995.169.185	13.407.110.533
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		4.973.123.455	5.340.475.181
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.170.439.127	1.045.256.401
7. Chi phí tài chính	22	6.4	73.115.068	402.327.496
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	390.881.024
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	1.960.291.067	3.389.343.063
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	5.124.379.123	9.926.432.777
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(1.014.222.676)	(7.332.371.754)
11. Thu nhập khác	31	6.6	62.752.956	476.994.685
12. Chi phí khác	32	6.6	797.689.701	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(734.936.745)	476.994.685
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(1.749.159.421)	(6.855.377.069)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(1.749.159.421)	(6.855.377.069)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(179,77)	(704,57)

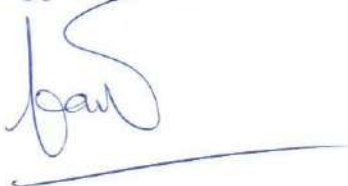
Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2022
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đỗ Thị Phương Mai



Vương Thị Tố Loan



Nguyễn Đức Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1.749.159.421)	(6.855.377.069)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		3.316.285.496	3.312.736.513
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.218.561.573)	(778.255.456)
- Chi phí lãi vay	06		-	390.881.024
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		348.564.502	(3.930.014.988)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.313.186.444)	(5.521.798.799)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.028.903.889)	5.538.977.547
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		251.654.416	(41.362.640)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(390.881.024)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(39.938.080)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.180.191.233	9.226.192.329
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.674.023.200)	(5.005.437.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.275.641.462)	(124.324.575)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(277.317.000)	(319.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		62.752.956	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.155.808.617	778.255.456
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		941.244.573	459.255.456
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(2.914.365.397)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(2.914.365.397)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(3.334.396.889)	(2.579.434.516)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.183.094.552	7.762.529.068
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	1.848.697.663	5.183.094.552

Người lập

Man

Đỗ Thị Phương Mai

Trưởng phòng Kế toán

ba

Vương Thị Tố Loan

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đức Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị trực thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Theo Quyết định số 808/QĐ-LĐTBXH ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Công ty được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại. Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100110415 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 11 năm 2010. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100110415, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 10 tháng 11 năm 2020,

Vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 02 ngày 01 tháng 11 năm 2020 là 97.299.300.000 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi bảy tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu, ba trăm ngàn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang bị hủy giao dịch trên sàn UpCOM với mã SON.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: International Manpower Supply And Trade Joint Stok Company.

Tên giao dịch viết tắt: SONA., JSC.

Trụ sở Công ty đặt tại: Số 34 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số Lao động của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 89 người, tại ngày 01/01/2021 là 87 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dạy nghề: ngoại ngữ và giáo dục định hướng đối với người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài và theo nhu cầu xã hội;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa (trừ các loại Nhà nước cấm);

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Cung ứng lao động xuất khẩu nước ngoài, dạy nghề, ngoại ngữ và giáo dục định hướng đối với người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc Doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại, tại Số 10 Đường số 5, Khu dân cư Tân Trường, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trung tâm Đào tạo lao động Xuất khẩu Sona tại thôn Do Hạ, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của thị trường lao động thế giới như thị trường lao động Nhật Bản, Hàn Quốc, Rumani, thị trường Trung đông, do đó trong năm tài chính Công ty bị ảnh hưởng bởi Dịch covid 19, các quy định về quản lý lao động tại các nước này, làm hạn chế việc xuất khẩu lao động ra các thị trường này, ảnh hưởng đến doanh thu hoạt động của Công ty. So với cùng kỳ năm trước thì doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm so với kế hoạch và cùng kỳ năm trước.

Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn.

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày 31/12/2021.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày 31/12/2021.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	(Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	15
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	03 - 06

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng để có được quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại tài sản cố định vô hình của Công ty đang trích khấu hao 50 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí công cụ dụng cụ Công ty ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo thời gian không quá 3 năm.

Chi phí môi giới tạo nguồn xuất khẩu lao động được ghi nhận theo thực tế phát sinh căn cứ vào chính sách của Công ty, được phân bổ vào chi phí kinh doanh hàng năm. Hiện tại khoản chi phí này Công ty chưa phân bổ vào chi phí trong năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Công ty chưa phản ánh chi phí lãi vay lũy kế đến 31/12/2021. Do hạn chế về mặt tài liệu, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định được chi phí lãi vay phát sinh lũy kế đến 31/12/2021.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: phí môi giới xuất khẩu lao động; không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo Pháp Luật về Thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	418.513.282	1.059.156.543
Tiền gửi ngân hàng	1.430.184.381	4.123.938.009
Tổng	1.848.697.663	5.183.094.552

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng, lãi suất tùy từng hợp đồng từ 4,8% đến 4,9%/năm.

5.3 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	12.243.061.408	12.345.791.884
Công ty TNHH Tân Nghệ An	5.231.489.365	5.231.489.365
Công ty Hongde (HK) IMP EXP LTD	1.497.864.130	1.497.864.130
Phải thu đối tượng khác	5.513.707.913	5.616.438.389
Tổng	12.243.061.408	12.345.791.884

5.4 Các khoản trả trước cho người bán

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH TM DV Đông Phương T.B	4.261.668.000	4.261.668.000
Công ty TNHH Chè Hoàng Mai	726.659.871	726.659.871
Công ty TNHH SX & TM Quốc tế Âu Lạc	1.207.777.404	1.207.777.404
Các đối tượng khác	1.957.591.632	1.553.247.063
Tổng	8.153.696.907	7.749.352.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.5 Các khoản phải thu khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	7.003.353.900	-	7.604.118.824	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>4.016.319.300</i>	-	<i>3.998.791.824</i>	-
Lao động tại Libia	554.449.084	-	554.449.084	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.822.141.473	-	2.822.141.473	-
Chi nhánh HCM	176.650.351	-	176.650.351	-
Các khoản phải thu khác	463.078.392	-	445.550.916	-
<i>Tạm ứng</i>	<i>2.987.034.600</i>	-	<i>3.605.327.000</i>	-
Dài hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Tổng	8.003.353.900	-	8.604.118.824	-

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	6.175.918.719	6.175.918.719
Chi phí môi giới tạo nguồn	6.175.918.719	6.175.918.719
Dài hạn	1.000.304.406	1.251.958.822
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.000.304.406	1.251.958.822
Tổng	7.176.223.125	7.427.877.541

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG NHÂN LỰC QUỐC TẾ VÀ THƯƠNG MẠI

Số 34 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2021	72.178.705.341	16.267.105.662	6.794.490.546	95.240.301.549
Tăng trong năm	-	277.317.000	-	277.317.000
Mua trong năm	-	277.317.000	-	277.317.000
Giảm trong năm	-	327.563.542	1.490.000.000	1.817.563.542
Thanh lý	-	327.563.542	1.490.000.000	1.817.563.542
Số dư tại 31/12/2021	72.178.705.341	16.216.859.120	5.304.490.546	93.700.055.007
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2021	18.164.346.587	11.404.404.972	6.005.593.638	35.574.345.197
Tăng trong năm	1.838.015.448	886.896.764	408.441.732	3.133.353.944
Khấu hao trong năm	1.838.015.448	886.896.764	408.441.732	3.133.353.944
Giảm trong năm	-	327.563.542	1.413.662.047	1.741.225.589
Thanh lý	-	327.563.542	1.413.662.047	1.741.225.589
Số dư tại 31/12/2021	20.002.362.035	11.963.738.194	5.000.373.323	36.966.473.552
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2021	54.014.358.754	4.862.700.690	788.896.908	59.665.956.352
Số dư tại 31/12/2021	52.176.343.306	4.253.120.926	304.117.223	56.733.581.455

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 5.031.591.682 đồng, tại ngày 31/12/2020 là 5.311.852.724 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Tài sản cố định vô hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	Tổng
NGUYỄN GIA		
Số dư tại 01/01/2021	9.146.577.712	9.146.577.712
Số dư tại 31/12/2021	9.146.577.712	9.146.577.712
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2021	1.154.370.375	1.154.370.375
Tăng trong năm	182.931.552	182.931.552
Khấu hao trong năm	182.931.552	182.931.552
Số dư tại 31/12/2021	1.337.301.927	1.337.301.927
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2021	7.992.207.337	7.992.207.337
Số dư tại 31/12/2021	7.809.275.785	7.809.275.785

5.9 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí xây dựng cơ bản		
Trụ sở làm việc Công ty	5.787.494.553	5.787.494.553
Tổng	5.787.494.553	5.787.494.553

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là khoản chi phí san lấp mặt bằng thửa đất tại Lô E2, Khu đô thị mới quận Cầu Giấy Hà Nội để làm Văn phòng làm việc, hiện nay đang xúc tiến hợp tác đầu tư xây dựng tòa nhà hỗn hợp Văn phòng và trung tâm thương mại.

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	2.366.278.924	2.366.278.924	3.322.651.401	3.322.651.401
Nghiệp đoàn Eco Lead	70.500.000	70.500.000	494.321.979	494.321.979
Nghiệp đoàn Osaka	204.750.000	204.750.000	466.250.000	466.250.000
Các đối tượng khác	2.091.028.924	2.091.028.924	2.362.079.422	2.362.079.422
Tổng	2.366.278.924	2.366.278.924	3.322.651.401	3.322.651.401

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2021 VND
Phải nộp	381.316.661	1.372.976.753	1.533.770.066	220.523.348
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	39.938.080	39.938.080	-
Thuế thu nhập cá nhân	381.316.661	325.834.040	486.627.353	220.523.348
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	648.918.528	648.918.528	-
Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	-
Thuế, Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	355.286.105	355.286.105	-
	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2021 VND
Phải thu	52.067.267	52.067.267	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.282.025	26.282.025	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	25.785.242	25.785.242	-	-

5.12 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	1.932.738.390	2.731.666.646
Bảo hiểm xã hội	-	56.642.896
Phải trả, phải nộp khác	1.932.738.390	2.675.023.750
<i>Đoàn LĐ thuyền viên tại Hàn Quốc</i>	<i>896.415.000</i>	<i>1.470.680.000</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>1.036.323.390</i>	<i>1.204.343.750</i>
Dài hạn	21.921.200.055	25.905.052.022
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	21.921.200.055	25.905.052.022
Tổng	23.853.938.445	28.636.718.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.13 Vay và thuê tài chính

	31/12/2021 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		1/1/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn VND</i>						
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh Bách Khoa (1)	23.958.914.690	23.958.914.690	-	-	23.958.914.690	23.958.914.690
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh Hà Thành (2)	19.617.000.000	19.617.000.000	-	-	19.617.000.000	19.617.000.000
<i>Vay ngắn hạn USD</i>						
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh Bách Khoa (1)	2.034.500.000	2.034.500.000	-	-	2.034.500.000	2.034.500.000
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh Hà Thành (2)	17.582.500.000	17.582.500.000	-	-	17.582.500.000	17.582.500.000
Tổng	4.341.914.690	4.341.914.690	-	-	4.341.914.690	4.341.914.690
	3.470.940.000	3.470.940.000	-	-	3.470.940.000	3.470.940.000
	870.974.690	870.974.690	-	-	870.974.690	870.974.690
Tổng	23.958.914.690	23.958.914.690	-	-	23.958.914.690	23.958.914.690

(1) Ngân hàng NN & PTNT Bách khoa: Theo hợp đồng hạn mức tín dụng năm 2009 của Công ty số 1401LAV200900653 ngày 10/7/2009: Lãi suất 10,5%/năm cho khoản vay bằng VND, và 3% cho khoản vay USD, thời hạn vay 01 năm.

(2) Ngân hàng NN & PTNT Hà Thành: Theo Hợp đồng tín dụng số 1303-LAV-20100024/HĐTD ngày 9/6/2010. Lãi suất vay 14%/năm, thời hạn 01 năm.

(3) Ngân hàng NN & PTNT Tràng An: Theo Hợp đồng tín dụng số 154/HĐTD ngày 10/5/2010, lãi suất vay 14,5%/năm, thời hạn 01 năm.

Tất cả các hợp đồng vay này đến nay đã quá hạn, do Công ty không trả nợ gốc nên Ngân hàng không làm phụ lục gia hạn hợp đồng vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	97.299.300.000	1.245	(10.578.525.616)	86.720.775.629
Giảm trong năm	-	-	(6.946.304.754)	(6.946.304.754)
Lỗ trong năm	-	-	(6.855.377.069)	(6.855.377.069)
Thuế GTGT theo công văn 1160/KTNN-CN-III	-	-	(90.927.685)	(90.927.685)
Số dư tại 31/12/2020	97.299.300.000	1.245	(17.524.830.370)	79.774.470.875
Số dư tại 01/01/2021	97.299.300.000	1.245	(17.524.830.370)	79.774.470.875
Giảm trong năm	-	-	(1.789.097.501)	(1.789.097.501)
Lỗ trong năm	-	-	(1.749.159.421)	(1.749.159.421)
Thuế TNDN theo Quyết định truy thu thuế của Cục thuế Hà Nội	-	-	(39.938.080)	(39.938.080)
Số dư tại 31/12/2021	97.299.300.000	1.245	(19.313.927.871)	77.985.373.374

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH	95.658.300.000	95.658.300.000
Cổ đông khác	1.641.000.000	1.641.000.000
Tổng	97.299.300.000	97.299.300.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	97.299.300.000	97.299.300.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	97.299.300.000	97.299.300.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức chia lợi nhuận

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.729.930	9.729.930
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.729.930	9.729.930
Cổ phiếu phổ thông	9.729.930	9.729.930
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.729.930	9.729.930
Cổ phiếu phổ thông	9.729.930	9.729.930
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.968.292.640	18.747.585.714
Tổng	14.968.292.640	18.747.585.714

6.2 Giá vốn dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.995.169.185	13.407.110.533
Tổng	9.995.169.185	13.407.110.533

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.155.808.617	778.255.456
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.630.510	267.000.945
Tổng	1.170.439.127	1.045.256.401

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	390.881.024
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	73.115.068	11.446.472
Tổng	73.115.068	402.327.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.5 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí bán hàng	1.960.291.067	3.389.343.063
Chi phí nhân viên	1.960.291.067	3.353.710.988
Chi phí bằng tiền khác	-	35.632.075
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.124.379.123	9.926.432.777
Chi phí nhân viên quản lý	3.294.281.962	5.258.785.301
Chi phí đồ dùng văn phòng	10.899.500	23.661.818
Thuế phí và lệ phí	114.879.649	143.473.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.535.279.111	1.923.169.948
Chi phí bằng tiền khác	169.038.901	2.577.341.913
Tổng	7.084.670.190	13.315.775.840

6.6 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác	62.752.956	476.994.685
Thanh lý tài sản	62.752.956	-
Xử lý công nợ	-	476.994.685
Chi phí khác	797.689.701	-
Chi phí phạt thuế truy thu thuế theo Biên bản thanh tra của Cục thuế Hà Nội	771.407.676	-
Chi phí khác	26.282.025	-
Thu nhập khác thuần/chi phí khác (thuần)	(734.936.745)	476.994.685

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận trước thuế	(1.749.159.421)	(6.855.377.069)
Thu nhập chịu thuế	(1.749.159.421)	(6.855.377.069)
Thu nhập tính thuế	(1.749.159.421)	(6.855.377.069)
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.749.159.421)	(6.855.377.069)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.749.159.421)	(6.855.377.069)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	9.729.930	9.729.930
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(179,77)	(704,57)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	767.702.933	1.340.650.267
Chi phí nhân công	10.307.849.143	19.146.082.515
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.316.285.496	3.572.935.278
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.453.594.903	3.717.349.883
Chi phí khác bằng tiền	414.189.537	6.076.189.383
Tổng	17.259.622.012	33.853.207.326

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin cổ phiếu ngừng Giao dịch

Ngày 22/02/2022, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thông báo số 206/SGDHN-QLNY về việc Cổ phiếu SON của Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và thương mại rơi vào diện hủy đăng ký giao dịch (ĐKGD) trên hệ thống giao dịch Upcom từ ngày 04 tháng 3 năm 2022. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 137 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Công ty bị hủy đăng ký giao dịch vì sau 01 năm kể từ ngày giao dịch đầu tiên vẫn chưa đáp ứng đủ điều kiện là Công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán và chưa được UBCKNN xác nhận hoàn tất đăng ký công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Giao dịch liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông

	Mối quan hệ	Tính chất Giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hội đồng Quản trị				
Ông Nguyễn Đức Nam	Chủ tịch	Lương và thù lao	158.153.579	187.814.000
Ông Đặng Huy Hồng	Chủ tịch, đã miễn nhiệm	Lương và thù lao	-	169.144.000
Ông Phạm Văn Thắng	Thành viên đã miễn nhiệm	Thù lao	-	4.812.000
Ban Kiểm soát				
Bà Lê Thị Hà	Trưởng ban	Lương và thù lao	78.608.584	89.385.640
Bà Phùng Hiền Ninh	Thành viên	Lương và khoản khác	64.939.806	-
Ông Vũ Đức Thắng	Thành viên đã miễn nhiệm	Lương và thù lao	-	69.298.112
Bà Trần Việt Phương	Thành viên đã miễn nhiệm	Lương và thù lao	-	60.225.560
Ban Giám đốc				
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Lương, thù lao	148.686.532	168.863.000
Ông Đinh Tất Lợi	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Lương, thù lao	133.939.485	167.883.000
Kế toán trưởng				
Bà Vương Thị Tố Loan	Trưởng phòng Tài chính kế toán	Lương, khoản khác	74.928.986	77.228.768
Tổng			659.256.972	994.654.080

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Đỗ Thị Phương Mai

Trưởng phòng Kế toán

Vương Thị Tố Loan

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đức Nam